

DANH SÁCH CHIA LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
1	HSH26245619000503	H Ra Lin Niê	XH3	XH1	10A14	Nữ	11/01/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	43	Tuyển thẳng
2	HSH26245619000532	H Trân Hmôk	XH3	XH1	10A14	Nữ	27/03/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	41.5	Tuyển thẳng
3	HSH26245619000509	Lê Thị Mỹ Duyên	XH3	XH1	10A14	Nữ	05/02/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	39	Tuyển thẳng
4	HSH26245619000537	H' Su Zin Kbuôr	XH3	XH2	10A12	Nữ	31/12/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
5	HSH26245619000519	H Hữu Êban	XH3	XH1	10A14	Nữ	12/05/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
6	HSH26245619000533	H Trâm Uyêrn Knul	XH3	XH1	10A14	Nữ	31/07/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
7	HSH26245619000524	Trần Thị Dk Bdap	XH3	XH1	10A14	Nữ	21/08/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
8	HSH26245619000501	H Nhuên Byă	XH3	TN1	10A14	Nữ	18/01/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
9	HSH26245619000528	H' Zên Êban	XH3	XH1	10A15	Nữ	13/05/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
10	HSH26245619000525	H Čah Bdap	XH3	XH1	10A14	Nữ	13/01/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
11	HSH26245619000499	H' Ân Êban	XH3	XH1	10A14	Nữ	17/06/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
12	HSH26245619000531	H Tươi Bsư	XH3	XH1	10A15	Nữ	29/01/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	38.5	Tuyển thẳng
13	HSH26245619000530	H Wia Bkrông	XH3	XH1	10A15	Nữ	30/08/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	37.5	Tuyển thẳng
14	HSH26245619000511	H' Ly Wuôn B Sư	XH3	TN2	10A15	Nữ	28/10/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	37.5	Tuyển thẳng
15	HSH26245619000535	Y Tân Mão Byă	XH3	XH1	10A15	Nam	08/02/2011	Ê-đê	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	35.5	Tuyển thẳng
16	HSH26245409000058	Nguyễn Quốc Toàn	XH1	XH3	10A09	Nam	12/02/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	37.5	Tuyển thẳng
17	HSH26245619000508	Lục Mạnh Hoàn	XH3	XH1	10A15	Nam	03/03/2011	Sán Chay	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	37	Tuyển thẳng
18	HSH26245619000526	Lâm Hoàng Khôi	XH3	XH1	10A15	Nam	23/07/2011	Nùng	Trường PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	36.5	Tuyển thẳng
19	HSH26245449001420	Phan Thị Thảo Ly	XH1	XH2	10A14	Nữ	02/08/2010	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	37.5	Tuyển thẳng
20	HSH26245449000233	Lê Trương Quốc Đạt	XH1	XH3	10A09	Nam	15/10/2010	Kinh	Trường THCS 19/8	37.5	Tuyển thẳng
21	HSH26245449001346	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	XH3	XH1	10A12	Nữ	16/04/2009	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	36.5	Tuyển thẳng
22	HSH26245449001406	Phan Lê Quỳnh Trâm	XH3	XH2	10A14	Nữ	08/05/2009	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	37.5	Tuyển thẳng
23	HSH26245409000331	Phan Trung Nguyên	XH2	XH1	10A12	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	42	Tuyển thẳng
24	HSH26245409000189	Hà Lê Anh Thu	XH1	TN2	10A07	Nữ	06/02/2011	Tày	Trường THCS Ea Hu	51	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
25	HSH26245409000192	Hoàng Thị Nhiên	TN2	XH1	10A06	Nữ	10/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	51	
26	HSH26245409000299	Nguyễn Ngọc Thiện	TN2	TN1	10A06	Nữ	10/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	51	
27	HSH26245449000297	Vì Tiểu My	TN1	TN2	10A01	Nữ	04/08/2011	Nùng	Trường THCS 19/8	51	
28	HSH26245409000462	Thái Ngọc Thúy Hằng	TN1	XH1	10A03	Nữ	29/10/2011	Tày	Trường THCS Ea HNin	51	
29	HSH26245619000250	Trần Ngọc Gia Nhi	XH1	TN1	10A07	Nữ	28/07/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
30	HSH26245449001329	Trần Nguyễn Quang Khải	TN1	TN2	10A03	Nam	31/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
31	HSH26245619000337	Trịnh Viết Đăng	TN1	TN2	10A01	Nam	01/04/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	50	
32	HSH26245449001447	Lê Trần Tuệ Nhi	XH1	XH2	10A07	Nữ	06/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
33	HSH26245449001465	Hồ Ngọc Đức Việt	TN1	TN2	10A03	Nam	21/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
34	HSH26245409000191	Cao Bảo Ngân	XH1	TN2	10A08	Nữ	08/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	50	
35	HSH26245449001453	Nguyễn Dương Vân Khánh	TN1	TN2	10A03	Nữ	28/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
36	HSH26245449001437	Trần Thị Phương Thảo	TN1	XH1	10A03	Nữ	25/01/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
37	HSH26245449001358	Trần Lưu Quang Vinh	TN1	TN2	10A03	Nam	03/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
38	HSH26245619000311	Lê Hải Đăng	TN1	TN2	10A03	Nam	25/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
39	HSH26245619000306	Phùng Quốc Huy	TN1	TN2	10A03	Nam	24/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
40	HSH26245409000181	Lê Viết Như Y	TN1	TN2	10A01	Nữ	20/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	50	
41	HSH26245449001468	Huỳnh Thị Thanh Trúc	XH1	XH2	10A07	Nữ	29/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
42	HSH26245409000370	Hồ Thế Khang	TN1	TN2	10A02	Nam	29/07/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	50	
43	HSH26245619000210	Đặng Hà Thiên Di	TN1	TN2	10A03	Nữ	06/05/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
44	HSH26245449000213	Nguyễn Từ Minh Huy	TN1	TN2	10A01	Nam	25/12/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	50	
45	HSH26245409000302	Đào Bảo Ngọc Hân Ni	TN1	TN2	10A04	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	50	
46	HSH26245619000235	Đinh Vũ Minh Diệp	TN1	TN2	10A02	Nữ	18/07/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
47	HSH26245409000348	Trần Nguyễn Khánh Băng	TN1	TN2	10A04	Nữ	31/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	50	
48	HSH26245619000215	Vũ Nguyễn Thảo Vy	TN1	TN2	10A03	Nữ	15/06/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
49	HSH26245449000202	Lê Công Vũ	TN1	TN2	10A01	Nam	17/07/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	50	
50	HSH26245619000418	Nguyễn Hoàng Phương Linh	TN1	TN2	10A03	Nữ	05/06/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	50	
51	HSH26245449000253	Phạm Phùng Quốc Khánh	TN1	TN2	10A03	Nam	03/09/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	50	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
52	HSH26245409000180	Tạ Thị Phương Thủy	TN1	TN2	10A05	Nữ	17/01/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	50	
53	HSH26245409000184	Văn Thị Tứ Xuyên	XH1	TN1	10A09	Nữ	15/09/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	50	
54	HSH26245409000386	Nguyễn Văn Thủy	TN1	XH1	10A01	Nam	18/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	50	
55	HSH26245449001430	Ngô Xuân Huy	TN1	TN2	10A03	Nam	13/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
56	HSH26245449001442	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TN1	TN2	10A01	Nữ	07/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
57	HSH26245449000217	Nguyễn Phạm Gia Hân	TN1	TN2	10A01	Nữ	29/01/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	50	
58	HSH26245409000367	Phạm Ánh Linh	TN1	TN2	10A04	Nữ	20/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	50	
59	HSH26245409000470	Nguyễn Ngọc Ánh	TN1	XH2	10A01	Nữ	08/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	50	
60	HSH26245619000006	H Sa Ma Niê	XH1	TN2	10A10	Nữ	14/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	50	
61	HSH26245449000221	Phan Nguyễn Nguyệt Ánh	TN1	XH2	10A02	Nữ	14/03/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	50	
62	HSH26245449001398	Nguyễn Hồ Phương Linh	XH1	TN2	10A10	Nữ	05/08/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
63	HSH26245449001418	Lê Nguyễn Kim Ngân	TN1	TN2	10A03	Nữ	06/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
64	HSH26245619000391	Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư	TN1	TN2	10A02	Nữ	21/03/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	50	
65	HSH26245619000317	Trịnh Tuyết Thi	TN1	TN2	10A01	Nữ	14/01/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	50	
66	HSH26245619000254	Phạm Thanh Mai	XH1	XH3	10A07	Nữ	22/07/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
67	HSH26245449001355	Phạm Thị Thanh Xuân	TN1	XH1	10A04	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
68	HSH26245449001389	Hoàng Thị Nhân	TN1	XH1	10A03	Nữ	24/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
69	HSH26245619000296	Phan Thị Như Quỳnh	XH1	XH3	10A08	Nữ	28/12/2009	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	50	
70	HSH26245449000271	Phạm Trường Thịnh	TN1	TN2	10A01	Nam	13/11/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	50	
71	HSH26245449000242	Nguyễn Phương Thảo	TN1	TN2	10A01	Nữ	11/01/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	50	
72	HSH26245449001357	Nguyễn Ngọc Hà Vy	XH1	XH2	10A09	Nữ	07/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	50	
73	HSH26245409000070	Nguyễn Trần Duy Khoa	TN1	TN2	10A01	Nam	07/10/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	50	
74	HSH26245619000371	Nguyễn Thùy Trâm	TN2	TN1	10A02	Nữ	13/07/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	50	
75	HSH26245409000076	Nguyễn Minh Thư	TN1	XH1	10A03	Nữ	03/09/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	50	
76	HSH26245409000073	Trần Đỗ Bảo Anh	TN1	XH2	10A04	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	50	
77	HSH26245409000431	Trần Ngọc Quỳnh Hương	TN1	TN2	10A03	Nữ	18/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	50	
78	HSH26245449001214	Hoàng Thị Minh Thư	TN1	XH2	10A04	Nữ	20/04/2011	Kinh	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	50	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
79	HSH26245409000319	Trần Quang Đại	TN1	XH1	10A05	Nam	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	50	
80	HSH26245619000324	Vũ Hoàng Phương Nhi	TN2	TN1	10A02	Nữ	04/02/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	50	
81	HSH26245409000458	Lê Khắc Đăng Khoa	TN1	TN2	10A04	Nam	21/09/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	50	
82	HSH26245449001475	Trịnh Gia Nghi	TN1	XH2	10A01	Nữ	06/04/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	49	
83	HSH26245619000112	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	TN2	TN1	10A06	Nữ	10/09/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	49	
84	HSH26245619000248	Trần Ngọc Thanh Phi	TN1	TN2	10A02	Nữ	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	49	
85	HSH26245619000258	Phạm Mai Gia Bảo	TN1	TN2		Nam	09/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	49	
86	HSH26245409000188	Trần Nguyễn Huyền Trân	TN2	XH2	10A06	Nữ	05/07/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	49	
87	HSH26245449001345	Nguyễn Quang Đại	TN1	TN2	10A03	Nam	15/10/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	49	
88	HSH26245619000110	Vũ Hoài Đan	TN1	TN2	10A05	Nữ	03/10/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	49	
89	HSH26245409000346	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	XH2	XH1	10A13	Nữ	10/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	49	
90	HSH26245449001396	Nguyễn Thảo Ly	TN1	XH1	10A03	Nữ	13/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	49	
91	HSH26245619000207	Đặng Thiên Hà	XH1	XH2	10A07	Nữ	28/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	49	
92	HSH26245449001369	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	XH3	TN2	10A14	Nữ	12/06/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	49	
93	HSH26245409000014	Hồ Thị Thanh Hằng	XH2	TN1	10A12	Nữ	26/12/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	49	
94	HSH26245409000069	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TN1	XH1	10A05	Nữ	28/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	49	
95	HSH26245449000201	Vũ Nguyễn Anh Thư	TN1	TN2	10A04	Nữ	10/02/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	49	
96	HSH26245409000366	Phạm Thị Cẩm Ly	XH1	TN1	10A10	Nữ	03/10/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	49	
97	HSH26245409000344	Lê Văn Minh Đăng	TN1	TN2	10A04	Nam	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	49	
98	HSH26245449000292	Nguyễn Thị Yến Nhi	XH1	TN1	10A11	Nữ	23/08/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	49	
99	HSH26245449000212	Hoàng Phạm Tấn Hiền	TN1	XH1	10A04	Nam	31/05/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	49	
100	HSH26245449001363	Trần Thị Minh Tâm	TN1	TN2	10A03	Nữ	19/12/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	49	
101	HSH26245409000074	Hồ Thị Ngọc Hân	XH1	XH2	10A10	Nữ	26/07/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	49	
102	HSH26245619000309	Ngô Khải Hoàn	TN1	XH1	10A03	Nam	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	49	
103	HSH26245619000209	Văn Thị Ngọc Diệp	TN1	TN2	10A02	Nữ	15/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	49	
104	HSH26245619000245	Lưu Trần Bảo Thi	TN2	TN1	10A06	Nữ	22/09/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	49	
105	HSH26245619000379	Nguyễn Ngọc Linh Đan	TN1	XH1	10A05	Nữ	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	49	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
106	HSH26245409000425	Nguyễn Đỗ Trung Nguyên	TN1	XH2	10A03	Nam	23/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	49	
107	HS1015623198	Phạm Thùy Trâm	XH1	XH3	10A10	Nữ	28/02/2011	Kinh	Trường THCS và THPT Tây Nguyên	49	
108	HSH26245619000189	Trần Thị Thái Hà	TN1	TN2	10A03	Nữ	22/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	49	
109	HSH26245409000466	Lê Thị Ngọc Diệp	TN1	TN2	10A04	Nữ	12/09/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	49	
110	HSH26245619000318	Vũ Thanh Thảo	TN2	TN1	10A06	Nữ	25/03/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	49	
111	HSH26245619000366	Phạm Khánh Hà	TN1	TN2	10A01	Nữ	14/04/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	49	
112	HSH26245409000072	Nguyễn Thị Thu Hoài	TN1	XH1	10A01	Nữ	22/04/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	49	
113	HSH26245619000365	Lương Thị Yến Nhi	TN2	XH1	10A06	Nữ	29/12/2008	Thái	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	49	
114	HSH26245619000390	Nguyễn Tường Vy	TN1	TN2	10A01	Nữ	20/05/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	49	
115	HSH26245409000330	Đặng Gia Như	XH2	XH1	10A13	Nữ	29/08/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	49	
116	HSH26245409000317	Hoàng Tiến Đạt	XH1	XH2	10A11	Nam	02/04/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	49	
117	HSH26245449001426	Nguyễn Danh Khôi	XH1	TN1	10A07	Nam	25/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	49	
118	HSH26245409000434	Hồ Quốc Huy	TN1	XH1	10A02	Nam	08/07/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	49	
119	HSH26245409000426	Lê Khánh Hiền	XH3	TN2	10A15	Nữ	02/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	49	
120	HSH26245449001766	Lê Nguyễn Nhật Huy	TN1	TN2	10A01	Nam	29/09/2011	Kinh	Trường THCS Trung Hòa	49	
121	HSH26245619000064	Phùng Gia Hưng	TN1	XH2	10A04	Nam	16/01/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	48	
122	HSH26245619000132	Lê Thị Thu Thủy	TN1	TN2	10A01	Nữ	22/08/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	48	
123	HSH26245619000288	Mai Trí Việt	TN1	XH1	10A03	Nam	05/05/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	48	
124	HSH26245409000126	Trương Tuyết Nhung	TN1	XH1	10A02	Nữ	18/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	48	
125	HSH26245449001353	Nguyễn Hà An	TN1	XH2	10A01	Nữ	24/12/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	48	
126	HSH26245619000083	Nguyễn Thị Quỳnh Như	XH3	XH1	10A15	Nữ	16/06/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	48	
127	HSH26245449001435	Đặng Thị Anh Thư	XH1	TN2	10A10	Nữ	19/09/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	48	
128	HSH26245409000179	Trần Ngọc Bảo Châu	TN2	XH2	10A06	Nữ	13/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	48	
129	HSH26245409000143	Lý Thị Quỳnh Diệp	TN1	TN2	10A04	Nữ	13/06/2011	Sán Chi	Trường THCS Ea Hu	48	
130	HSH26245619000238	Lăng Tuấn Anh	TN1	TN2	10A05	Nam	10/10/2011	Nùng	Trường THCS Dray Bhang	48	
131	HSH26245409000183	Lê Phương Ngọc Nhi	XH1	TN2	10A11	Nữ	11/07/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	48	
132	HSH26245449000224	Đậu Nguyễn Hiếu Nghi	TN1	TN2	10A04	Nữ	21/01/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	48	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
133	HSH26245409000465	Phạm Ánh Dương	TN1	TN2	10A04	Nữ	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	48	
134	HSH26245409000048	Nguyễn Ngọc Tuệ Nhi	TN1	XH1	10A03	Nữ	08/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	48	
135	HSH26245409000400	Nguyễn Thị Thảo Ngân	TN1	XH2	10A05	Nữ	05/01/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	48	
136	HSH26245409000368	Nguyễn Thị Mai Linh	XH1	XH2	10A10	Nữ	02/10/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	48	
137	HSH26245409000185	Văn Thị Huyền Trang	XH1	XH2	10A07	Nữ	15/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	48	
138	HSH26245619000319	Lê Nguyễn Thị Như Quỳnh	TN1	TN2	10A05	Nữ	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	48	
139	HSH26245449000255	Trần Viết Hùng	TN1	TN2	10A03	Nam	05/06/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	48	
140	HSH26245619000297	Hoàng Nhất Phong	TN1	TN2	10A03	Nam	07/06/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	48	
141	HSH26245619000340	Hoàng Quỳnh Anh	TN1	XH1	10A02	Nữ	24/06/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	48	
142	HSH26245449000241	Nguyễn Hoàng Nguyên Thương	TN1	TN2	10A02	Nữ	14/04/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	48	
143	HSH26245619000077	Nguyễn Xuân Phúc	TN1	XH1	10A02	Nam	27/10/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	47	
144	HSH26245619000113	Đỗ Hồng Hoài Diễm	TN1	TN2	10A02	Nữ	10/04/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	47	
145	HSH26245449001755	Phan Anh Thông	TN2	XH2	10A06	Nam	09/01/2011	Kinh	Trường THCS Trung Hòa	47	
146	HSH26245409000129	Phạm Hoàng Mí	TN1	TN2	10A02	Nữ	20/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	47	
147	HSH26245449001454	Đỗ Thị Vũ Hoàn	TN1	TN2	10A03	Nữ	30/01/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	
148	HSH26245449000276	Trần Thị Như Quỳnh	TN1	TN2	10A01	Nữ	13/06/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	47	
149	HSH26245619000262	La Diệp Anh	TN1	XH1	10A05	Nữ	05/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	47	
150	HSH26245619000206	Nguyễn Vũ Gia Hào	TN1	XH1	10A04	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	47	
151	HSH26245409000045	Đặng Hoàng Quyên	TN1	XH1	10A05	Nữ	31/07/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
152	HSH26245409000165	Văn Hà Linh	XH1	TN2	10A09	Nữ	06/09/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	47	
153	HSH26245409000002	Lê Thị Thảo Nguyên	XH1	XH2	10A08	Nữ	30/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
154	HSH26245449001424	Hoàng Diệu Linh	TN2	TN1	10A06	Nữ	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	
155	HSH26245619000076	Nguyễn Hữu Phước	TN2	XH2	10A06	Nam	19/11/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	47	
156	HSH26245619000290	Đinh Nhã Trúc	TN1	XH1	10A05	Nữ	04/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	47	
157	HSH26245409000153	Hoàng Bảo Trâm	XH1	TN1	10A07	Nữ	17/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	47	
158	HSH26245619000303	Nguyễn Vũ Khánh Linh	XH1	TN1	10A07	Nữ	15/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	47	
159	HSH26245449001443	Phạm Kim Quý	TN1	XH1	10A02	Nữ	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
160	HSH26245619000182	Vũ Nguyễn Quang Kiệt	TN1	XH1	10A03	Nam	17/10/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bằng	47	
161	HSH26245409000009	Hoàng Khánh Linh	XH1	XH2	10A11	Nữ	30/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
162	HSH26245409000011	Vũ Ngọc Huyền	XH1	XH2	10A11	Nữ	27/02/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
163	HSH26245409000417	Đinh Diệu Trinh	TN1	TN2	10A02	Nữ	28/09/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	47	
164	HSH26245449000236	Hoàng Kim Anh	TN1	TN2	10A01	Nữ	06/04/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	47	
165	HSH26245619000408	Vũ Mai Anh Thư	TN1	TN2	10A02	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	47	
166	HSH26245619000411	Trương Hàn Ny	XH1	TN2	10A10	Nữ	06/01/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	47	
167	HSH26245449001383	Vũ Trần Anh Thư	XH1	XH2	10A10	Nữ	11/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	
168	HSH26245449000220	Lê Thùy Minh Ánh	TN1	TN2	10A01	Nữ	01/05/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	47	
169	HSH26245409000443	Vũ Thị Như Ý	TN2	XH3	10A06	Nữ	25/09/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	47	
170	HSH26245619000320	Đỗ Văn Phong	TN1	TN2	10A04	Nam	13/06/2010	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	47	
171	HSH26245409000436	Vũ Thị Quỳnh Ngọc	TN1	XH1	10A05	Nữ	22/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	47	
172	HSH26245449000284	Nguyễn Thị Bảo Trâm	XH1	TN1	10A11	Nữ	01/05/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	47	
173	HSH26245619000089	Đỗ Minh Nhất	XH2	TN2	10A13	Nam	23/02/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	47	
174	HSH26245619000273	Nguyễn Hà Uyên Thư	TN1	TN2	10A05	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bằng	47	
175	HSH26245449000219	Quyền Mạnh Đức	TN1	XH1	10A01	Nam	04/07/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	47	
176	HSH26245449001337	Võ Thị Ngân Hà	XH1	XH2	10A07	Nữ	13/11/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	
177	HSH26245409000316	Lê Văn Khánh Đạt	TN1	TN2	10A04	Nam	27/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	47	
178	HSH26245409000032	Đoàn Thị Hương Giang	XH1	TN2	10A11	Nữ	08/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
179	HSH26245409000332	Nguyễn Bảo Ngọc	XH2	XH1	10A12	Nữ	26/07/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	47	
180	HSH26245409000320	Nguyễn Đăng Duy	XH1	TN2	10A07	Nam	08/02/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	47	
181	HSH26245449001381	Nguyễn Khắc Trọng	TN1	TN2	10A03	Nam	25/08/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	
182	HSH26245449001325	Đồng Lê Bảo An	TN1	TN2	10A01	Nữ	29/09/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	
183	HSH26245449001371	Hoàng Phương Ngân	TN1	TN2	10A01	Nữ	19/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	
184	HSH26245619000225	Ngô Mây	XH1	TN2	10A10	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bằng	47	
185	HSH26245619000388	Đỗ Trà My	XH1	TN2	10A09	Nữ	09/10/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	47	
186	HSH26245449001344	Hà Tiến Đạt	TN1	XH1	10A05	Nam	08/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	47	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
187	HSH26245409000062	Lê Thị Thùy Như	XH1	TN1	10A08	Nữ	04/11/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
188	HSH26245409000036	Lê Năng Nhật Anh	TN1	TN2	10A03	Nam	08/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
189	HSH26245409000022	Nguyễn Đức Khoa	TN1	XH1	10A04	Nam	17/11/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
190	HSH262454090000334	Nguyễn Thị Thảo Ngân	XH1	XH2	10A07	Nữ	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	47	
191	HSH262454090000194	Trần Văn Anh Kiệt	XH1	XH3	10A08	Nam	03/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	47	
192	HSH262454090000037	Hoàng Minh Tuệ	TN1	TN2	10A01	Nam	16/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	47	
193	HSH262456190000332	Trần Hoàng Thúy Kiều	TN1	XH1	10A02	Nữ	18/04/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	47	
194	HSH262456190000334	Trần Thị Kim Hòa	XH1	XH3	10A08	Nữ	18/06/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	47	
195	HSH262454090000306	Trần Hà My	XH2	XH1	10A13	Nữ	19/11/2011	Tày	Trường THCS Chư Êwi	46.5	
196	HSH262454090000130	Hà Thị Mai	XH1	TN1	10A08	Nữ	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	46	
197	HSH262454490000275	H - Rô Wian Êban	TN2	XH3	10A06	Nữ	24/12/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	46	
198	HSH262456190000188	Nguyễn Trần Ngọc Huyền	TN2	XH3	10A06	Nữ	05/08/2011	Mường	Trường THCS Dray Bhang	46	
199	HSH262454490001448	Phạm Thảo Nguyên	TN1	XH1	10A02	Nữ	13/03/2010	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	46	
200	HSH262454490001433	Chổng Ngọc Phương Dy	TN1	TN2	10A02	Nữ	14/01/2011	Hoa	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	46	
201	HSH262454490000295	Võ Đình Hữu Nghĩa	TN1	TN2	10A04	Nam	13/05/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	46	
202	HSH262454090000075	Nguyễn Ngọc Tuệ Đan	XH1	XH2	10A09	Nữ	03/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	46	
203	HSH262456190000246	Phạm Bảo Quyên	XH1	XH3	10A10	Nữ	08/06/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	46	
204	HSH262454090000077	Phạm Thị Cẩm Nhung	XH3	TN2	10A14	Nữ	05/04/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	46	
205	HSH262454090000178	Cao Chánh Khang	TN1	XH1	10A01	Nam	29/01/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	46	
206	HSH262454490001402	Phan Lê Hải Đăng	XH1	XH3	10A10	Nam	02/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	46	
207	HSH262454490001385	Trần Phú Quân	TN1	XH1	10A05	Nam	14/04/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	46	
208	HSH262454490000249	H' Phương Mdrang	XH1	XH3	10A11	Nữ	28/06/2011	Mnông	Trường THCS 19/8	46	
209	HSH262454490000199	Y Dân Ênuôl	TN1	XH1	10A02	Nam	17/01/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	46	
210	HSH262454490001349	Phùng Thị Linh Chi	XH3	TN2	10A14	Nữ	27/03/2011	Mường	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	46	
211	HSH262456190000068	Lê Ngọc Hà Thương	XH3	XH2	10A15	Nữ	21/11/2011	Nùng	Trường THCS Giang Sơn	46	
212	HSH262456190000030	H' Đên Ayün	XH2	TN1	10A12	Nữ	01/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	46	
213	HSH262454090000310	Dương Ngọc Mai	XH2	XH1	10A12	Nữ	10/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	46	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
214	HSH26245619000233	Y Doanh Êban	TN1	TN2	10A02	Nam	15/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	46	
215	HSH26245409000182	Đặng Vũ Trâm Anh	TN1	TN2	10A02	Nữ	02/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	46	
216	HSH26245619000027	H' Du Man B'krông	XH3	XH2	10A13	Nữ	02/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	46	
217	HSH26245619000012	H' Toanh Byă	XH3	XH2	10A13	Nữ	11/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	46	
218	HSH26245619000327	Bùi Nguyễn Thị Thanh Ngân	XH2	XH1	10A05	Nữ	21/02/2011	Mường	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	46	
219	HSH26245619000025	H' Cùm Bđap	XH1	XH2	10A11	Nữ	11/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	46	
220	HSH26245449000226	H Lê Thy Kpor	XH1	XH3	10A10	Nữ	19/05/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	46	
221	HSH26245409000327	Lý Minh Thuận	XH1	XH3	10A09	Nam	13/08/2011	Nùng	Trường THCS Chư Êwi	46	
222	HSH26245449001798	Nguyễn Anh Khoa	TN1	XH1	10A02	Nam	06/03/2011	Kinh	Trường THCS Trung Hòa	46	
223	HSH26245619000024	H' Đê La Bđap	XH1	XH2	10A09	Nữ	21/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	46	
224	HSH26245619000370	Trần Ngọc Bảo Trâm	XH1	XH2	10A08	Nữ	04/03/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	46	
225	HSH26245449000239	H Tiệp Ktla	XH1	XH3	10A07	Nữ	24/04/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	46	
226	HSH26245619000419	Trần Mai Như Ý	TN2	XH1	10A06	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	46	
227	HSH26245619000018	H Jut Byă	XH2	XH3	10A13	Nữ	29/05/2010	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	46	
228	HSH26245619000414	H' Nhân Knul	XH1	XH2	10A07	Nữ	08/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	46	
229	HSH26245409000313	Hoàng Thị Chi Lê	XH2	XH1	10A13	Nữ	19/10/2011	Tày	Trường THCS Chư Êwi	46	
230	HSH26245619000094	Phan Đình Tài	TN2	XH3	10A06	Nam	16/10/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45.5	
231	HSH26245449001469	Hoàng Thị Thanh Trúc	TN1	XH2	10A02	Nữ	06/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45.5	
232	HSH26245619000098	Lê Quỳnh Như	TN1	TN2	10A04	Nữ	11/01/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45.5	
233	HSH26245449001348	Đinh Gia Bảo Duy	TN1	TN2	10A02	Nam	16/08/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45.5	
234	HSH26245409000455	Phạm Nguyễn Trà My	TN1	TN2	10A04	Nữ	31/12/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	45.5	
235	HSH26245619000102	Dư Thúy Mai	XH3	XH1	10A15	Nữ	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45.5	
236	HSH26245619000283	Bùi Huỳnh Bảo Như	XH1	XH3	10A08	Nữ	04/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45.5	
237	HSH26245409000044	Huỳnh Ngô Đại Phú	XH2	TN1	10A12	Nam	18/02/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	45	
238	HSH26245449001438	Nguyễn Phạm Thanh Thanh	TN1	TN2	10A01	Nữ	30/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
239	HSH26245619000119	Nguyễn Kim Yến	TN1	XH2	10A04	Nữ	22/11/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45	
240	HSH26245409000112	Võ Thị Ngọc Chi	XH1	XH2	10A07	Nữ	11/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
241	HSH26245409000087	Nguyễn Thị Kim Ánh	XH1	TN1	10A09	Nữ	09/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
242	HSH26245619000090	Nguyễn Hồng Bảo Ngân	XH2	XH3	10A12	Nữ	09/08/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45	
243	HSH26245619000122	Đỗ Hy Cát Tường	XH3	XH2	10A15	Nữ	06/02/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45	
244	HSH26245619000279	Phạm Cao Thanh Trung	TN1	TN2	10A03	Nam	31/08/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
245	HSH26245409000084	Hoàng Nguyễn Hải Âu	TN2	XH2	10A06	Nữ	27/10/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
246	HSH26245619000051	H' Su Kum Êban	XH2	XH3	10A12	Nữ	07/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhọk	45	
247	HSH26245409000159	Trần Thị Quỳnh Như	XH2	XH1	10A13	Nữ	23/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
248	HSH26245409000407	Nguyễn Thị Trà Giang	XH1	TN2	10A10	Nữ	15/07/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	45	
249	HS1015447818	Ngô Thanh Thảo Như	TN1	TN2	10A04	Nữ	16/01/2011	Kinh	Trường THCS Hùng Vương	45	
250	HSH26245449000238	Hồ Uy Vũ	TN1	TN2	10A01	Nam	11/12/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	45	
251	HSH26245449000244	Nguyễn Phạm Anh Thư	XH1	XH2	10A11	Nữ	26/06/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	45	
252	HSH26245409000138	Phan An Gia Hân	XH1	TN1	10A11	Nữ	09/10/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
253	HSH26245409000163	Hồ Như Ngọc	XH2	TN1	10A13	Nữ	23/12/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
254	HSH26245409000065	Trịnh Bùi Bảo Ngọc	XH1	TN1	10A10	Nữ	01/02/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	45	
255	HSH26245409000173	Nguyễn Văn Hải Hoàng	XH1	XH2	10A06	Nam	27/10/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
256	HSH26245409000167	Hoàng Ngọc Khánh Linh	XH2	XH1	10A13	Nữ	18/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
257	HSH26245409000399	Nghiêm Bảo Ngọc	TN1	XH2	10A04	Nữ	03/07/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	45	
258	HSH26245619000191	Lưu Kiến Hào	TN1	XH1	10A01	Nam	25/09/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
259	HSH26245449001376	Nguyễn Văn Bình	TN1	XH1	10A02	Nam	01/08/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
260	HSH26245619000193	Vũ Phạm Linh Đan	XH1	TN1	10A09	Nữ	04/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
261	HSH26245619000202	Lâm Nhật Huy	XH3	XH1	10A14	Nam	05/11/2010	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
262	HSH26245409000090	Nguyễn Thị Tường Vy	TN2	XH2	10A06	Nữ	03/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
263	HSH26245409000295	Phạm Anh Thư	XH1	XH3	10A08	Nữ	30/08/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	45	
264	HSH26245449001374	Nguyễn Thiện Nhân	TN1	XH1	10A03	Nam	19/08/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
265	HSH26245619000244	Thái Hữu Thuận	TN2	TN1	10A06	Nam	15/09/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
266	HSH26245449001373	Hoàng Phạm Bảo Nhi	TN2	TN1	10A06	Nữ	04/11/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
267	HSH26245619000084	Vũ Thị Ngọc Hân	XH3	XH2	10A15	Nữ	25/01/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
268	HSH26245619000231	Trần Gia Hân	TN2	TN1	10A06	Nữ	11/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
269	HSH26245449001411	Phạm Như Quỳnh	XH2	TN2	10A12	Nữ	26/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
270	HSH26245619000074	Đỗ Thị Bích Phương	XH3	XH1	10A14	Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45	
271	HSH26245449001361	Lê Văn Trung	TN1	XH1	10A02	Nam	05/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
272	HSH26245619000292	Nguyễn Minh Thư	XH1	TN1	10A07	Nữ	12/02/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
273	HSH26245409000029	Trần Thị Minh Hằng	XH1	TN1	10A07	Nữ	21/11/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	45	
274	HSH26245409000109	Dương Thị Thuý Kiều	XH3	XH2	10A15	Nữ	18/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
275	HSH26245409000162	Nguyễn Trần Như Ngọc	XH1	XH3	10A08	Nữ	14/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
276	HSH26245409000414	Lê Ngọc Anh Tuấn	TN1	XH1	10A04	Nam	30/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	45	
277	HSH26245409000352	Nguyễn Tường Vy	XH1	XH2	10A09	Nữ	01/07/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	45	
278	HSH26245449001455	Nguyễn Thị Thanh Hà	XH1	TN1	10A07	Nữ	15/09/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
279	HSH26245619000264	Nguyễn Bảo An	TN1	TN2	10A03	Nữ	06/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
280	HSH26245619000120	Ngô Hà Như Ý	XH2	TN2	10A12	Nữ	03/08/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	45	
281	HSH26245449001464	Nguyễn Như Ý	TN1	XH2	10A05	Nữ	11/04/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
282	HSH26245449000259	Nguyễn Ngọc Linh Đan	TN1	TN2	10A05	Nữ	13/06/2010	Kinh	Trường THCS 19/8	45	
283	HSH26245409000019	Võ Công Đồng	XH1	TN1	10A11	Nam	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	45	
284	HSH26245409000106	Trần Thị Thuý Linh	TN1	TN2	10A05	Nữ	08/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
285	HSH26245619000336	Vũ Quang Duy	TN1	TN2	10A01	Nam	04/07/2011	Kinh	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	45	
286	HSH26245409000428	Hoàng Thị Thảo My	XH3	TN2	10A14	Nữ	25/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	45	
287	HSH26245409000017	Lương Nguyễn Linh Đan	XH3	XH2	10A15	Nữ	09/10/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	45	
288	HSH26245449001352	Trần Đỗ Hải Anh	TN1	XH1	10A03	Nữ	15/11/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
289	HSH26245449001417	Hoa Thị Ánh Ngọc	XH1	XH2	10A11	Nữ	18/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
290	HSH26245449001474	Nguyễn Hoàng Thịnh	TN1	XH2	10A04	Nam	15/11/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	45	
291	HSH26245449000206	Phạm Nguyễn Bảo Nam	TN1	TN2	10A01	Nam	28/08/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	45	
292	HSH26245619000265	Phạm Tường Vy	XH1	TN1	10A10	Nữ	04/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
293	HSH26245619000232	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	XH1	TN1	10A09	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
294	HSH26245449000222	Nguyễn Thị Như Ngọc	XH3	XH1	10A06	Nữ	24/04/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	45	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
295	HSH26245409000190	Cao Thị Thanh Trang	XH1	XH2	10A08	Nữ	13/01/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
296	HSH26245409000051	Nguyễn Thị Bảo Yến	XH1	TN2	10A07	Nữ	13/07/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
297	HSH26245409000057	Nguyễn Hữu Trung	TN1	TN2	10A05	Nam	11/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
298	HSH26245409000128	Đinh Lê Thuỳ Ngân	XH1	XH2	10A07	Nữ	27/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
299	HSH26245619000219	Nguyễn Thị Thanh Thu	XH1	TN1	10A08	Nữ	02/05/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	45	
300	HSH26245619000326	Phạm Gia Thảo My	XH1	XH3	10A09	Nữ	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	
301	HSH26245449000240	Lê Nhật Thu Uyên	TN1	XH1	10A02	Nữ	02/08/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	45	
302	HSH26245409000197	Văn Nguyễn Hà Vi	XH1	TN1	10A10	Nữ	24/08/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
303	HSH26245409000031	Võ Thị Hương Giang	XH2	TN1	10A12	Nữ	06/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
304	HSH26245409000025	Nguyễn Khánh Huyền	TN1	XH2	10A02	Nữ	16/12/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
305	HSH26245409000023	Nguyễn Duy Hưng	TN1	TN2	10A05	Nam	01/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
306	HSH26245409000137	Vương Trịnh Huy Hoàng	TN1	TN2	10A05	Nam	15/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
307	HSH26245409000016	Lê Trung Hiếu	TN1	XH2	10A05	Nam	08/04/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
308	HSH26245409000116	Nguyễn Trung Hải	XH1	TN2	10A09	Nam	01/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
309	HSH26245409000124	Lê Minh Quang	XH1	XH3	10A10	Nam	14/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
310	HSH26245409000054	Lưu Thị Hồng Vân	XH3	TN1	10A14	Nữ	05/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
311	HSH26245409000422	Nguyễn Kim Phụng	TN1	XH1	10A02	Nữ	22/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	45	
312	HSH26245619000352	Đặng Thiên Đức	TN2	XH1	10A06	Nam	02/05/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	
313	HSH26245619000412	Nguyễn An Nhiên	TN1	XH1	10A01	Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	
314	HSH26245619000362	Lê Thị Ngọc Ánh	XH1	TN2	10A11	Nữ	22/03/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	
315	HSH26245449001307	Nguyễn Văn Gia Bảo	XH2	TN2	10A13	Nam	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	45	
316	HSH26245619000392	Đinh Thanh Diệu Thùy	XH1	TN2	10A11	Nữ	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	
317	HSH26245409000052	Nguyễn Trần Thảo Vy	XH2	TN1	10A12	Nữ	22/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
318	HSH26245409000081	Văn Thị Ngọc Hân	XH2	XH1	10A12	Nữ	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
319	HSH26245409000027	Đàm Thị Hoa	XH1	TN1	10A10	Nữ	16/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
320	HSH26245409000471	Nguyễn Bảo An	XH1	TN2	10A09	Nam	10/10/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	45	
321	HSH26245619000368	Nguyễn Anh Tú	TN1	XH1	10A05	Nam	05/09/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
322	HSH26245619000322	Đỗ Trần Thiên Phú	TN1	TN2	10A05	Nam	23/09/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	
323	HSH26245409000373	Trần Thị Thu Hà	TN2	TN1	10A06	Nữ	20/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	45	
324	HSH26245409000063	Hồ Sỹ Long Nhật	XH1	TN1	10A09	Nam	26/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
325	HSH26245409000141	Lê Văn Minh Đăng	XH1	TN2	10A08	Nam	17/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	45	
326	HSH26245449001788	Nguyễn Hữu Phát	TN1	XH1	10A01	Nam	20/06/2011	Kinh	Trường THCS Trung Hòa	45	
327	HSH26245619000413	Huỳnh Phạm Ngọc Nhung	XH1	XH3	10A09	Nữ	28/02/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	45	
328	HSH26245409000026	Nguyễn Đình Thái Hòa	TN2	XH1	10A06	Nam	08/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
329	HSH26245409000034	Nguyễn Hữu Đạt	TN1	TN2	10A05	Nam	07/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	45	
330	HSH26245449001342	Huỳnh Hoàng Tuấn An	TN1	XH1	10A04	Nam	06/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	44.5	
331	HSH26245409000364	H Mam Êban	XH3	XH1	10A15	Nữ	10/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Chư Êwi	44.5	
332	HSH26245449000235	H Doanh Êban	TN1	XH2	10A04	Nữ	02/07/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	44.5	
333	HSH26245409000363	Lâm Thị Yến Nhi	XH3	XH1	10A15	Nữ	17/02/2011	Nùng	Trường THCS Chư Êwi	44.5	
334	HSH26245409000079	Lê Viết Khải Hoàn	TN1	XH2	10A05	Nam	02/03/2011	Tày	Trường THCS Ea Hu	44.5	
335	HSH26245409000321	Nông Thị Thu Cúc	XH1	XH3	10A08	Nữ	25/07/2011	Tày	Trường THCS Chư Êwi	44.5	
336	HSH26245619000226	Đinh Thị Mai Nhi	XH3	XH1	10A08	Nữ	28/08/2011	Mường	Trường THCS Dray Bhang	44.5	
337	HSH26245619000061	H' Di Linh Buôn Yă	XH1	XH3	10A08	Nữ	21/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	44.5	
338	HSH26245619000400	H' Moan Knul	XH1	XH2	10A08	Nữ	10/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	44.5	
339	HSH26245619000237	Ka Rol Nguyễn Bya	TN1	TN2	10A04	Nữ	10/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	44.5	
340	HSH26245619000041	H' Khe Ny Knul	XH1	TN2	10A08	Nữ	31/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	44.5	
341	HSH26245619000369	Y Trung Knul	TN1	XH2	10A01	Nam	12/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	44.5	
342	HSH26245409000139	Lê Thanh Hà	XH1	TN2	10A09	Nữ	27/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	44	
343	HSH26245449001367	Nguyễn Bảo Thiên	TN1	XH1	10A02	Nam	25/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	44	
344	HSH26245409000356	Nguyễn Thị Bảo Trâm	XH1	XH2	10A11	Nữ	24/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	44	
345	HSH26245409000006	Hoàng Nghĩa Kiên	XH3	TN1	10A14	Nam	22/08/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	44	
346	HSH26245449000229	Lê Minh Khiêm	TN1	XH1	10A02	Nam	12/05/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	43.5	
347	HSH26245619000242	Hoàng Trung Tín	XH1	XH2	10A07	Nam	20/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
348	HSH26245619000291	Trương Vũ Quỳnh Trâm	XH1	TN1	10A11	Nữ	14/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
349	HSH26245619000286	Nguyễn Thị Tú Thuật	XH1	XH3	10A11	Nữ	15/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
350	HSH26245409000353	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	XH3	XH1	10A15	Nữ	17/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	43.5	
351	HSH26245449001470	Phan Thị Bảo Trâm	TN1	TN2	10A05	Nữ	07/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
352	HSH26245449000223	Đoàn Thị Kim Ngân	XH3	XH2	10A04	Nữ	28/02/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	43.5	
353	HSH26245619000096	Nguyễn Phương Tổ Quyên	TN2	XH2	10A06	Nữ	15/04/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	43.5	
354	HSH26245619000227	Thân Thảo My	TN1	XH1	10A05	Nữ	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
355	HSH26245409000004	Bùi Bảo Ngọc	XH1	XH2	10A11	Nữ	11/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	43.5	
356	HSH26245449001384	Nguyễn Chí Thọ	XH1	XH2	10A07	Nam	08/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
357	HSH26245619000184	Phạm Anh Khoa	TN1	TN2	10A03	Nam	20/09/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
358	HSH26245619000255	Phùng Khánh Ly	TN2	XH1	10A06	Nữ	27/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
359	HSH26245409000148	Trần Thị Như Ý	XH1	TN1	10A09	Nữ	26/07/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	43.5	
360	HSH26245409000015	Đặng Thái Hà	XH3	TN2	10A14	Nữ	28/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	43.5	
361	HSH26245619000013	Bạch Gia Hân	XH1	XH3	10A08	Nữ	08/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea Bho	43.5	
362	HSH26245409000055	Nguyễn Thị Bảo Uyên	XH1	XH3	10A07	Nữ	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	43.5	
363	HSH26245449001439	Lê Tiến Tấn	TN1	XH1	10A03	Nam	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
364	HSH26245619000304	Mai Gia Tuấn Kiệt	XH1	TN1	10A08	Nam	29/05/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
365	HSH26245619000124	Dư Bạch Yến	XH3	XH1	10A15	Nữ	13/10/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	43.5	
366	HSH26245619000187	Hà Nguyễn Quỳnh Hương	TN2	XH2	10A06	Nữ	19/02/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
367	HSH26245409000095	Nguyễn Thu Trang	TN1	TN2	10A05	Nữ	13/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	43.5	
368	HSH26245409000122	Trần Thị Quỳnh Trâm	XH1	XH2	10A08	Nữ	05/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	43.5	
369	HSH26245409000067	Nguyễn Thị Bảo Khuyên	XH1	XH3	10A08	Nữ	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	43.5	
370	HSH26245449001423	Hoàng Mỹ Linh	XH2	TN1	10A08	Nữ	07/11/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
371	HSH26245449001449	Phạm Lê Anh Minh	XH1	XH2	10A07	Nam	02/06/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
372	HSH26245619000228	Trần Thảo Ly	TN1	TN2	10A04	Nữ	09/02/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
373	HSH26245449001471	Lưu Phi Tiến	XH2	XH3	10A12	Nam	14/11/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
374	HSH26245409000030	Trịnh Thị Ngọc Hà	XH1	TN1	10A09	Nữ	14/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	43.5	
375	HSH26245409000437	Vũ Trà Giang	XH1	TN2	10A11	Nữ	30/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	43.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
376	HSH26245619000216	Phạm Trần Thanh Tuyền	TN1	XH1	10A04	Nữ	08/08/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
377	HSH26245409000372	Trần Trọng Hoàng	XH1	XH3	10A08	Nam	18/04/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	43.5	
378	HSH26245619000387	Nguyễn Phạm Minh Anh	XH1	TN2	10A09	Nữ	25/02/2010	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	43.5	
379	HSH26245449001427	Nguyễn Văn Hoàng Khang	TN1	XH1	10A02	Nam	16/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
380	HSH26245619000221	Nguyễn Tấn Sang	TN1	XH1	10A03	Nam	13/10/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
381	HSH26245409000196	Hoàng Kim Thư	TN2	TN1	10A06	Nữ	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	43.5	
382	HSH26245409000123	Lương Minh Thu	XH2	XH3	10A13	Nữ	11/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	43.5	
383	HSH26245449001410	Phạm Thị Phương Thảo	XH3	XH1	10A15	Nữ	31/10/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
384	HSH26245449001456	Nguyễn Quốc Đạt	TN1	XH1	10A05	Nam	27/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43.5	
385	HSH26245619000220	Nguyễn Lê Minh Tâm	TN1	XH2	10A01	Nam	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
386	HSH26245619000212	Vũ Lê Ngọc Anh	XH1	TN1	10A11	Nữ	11/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
387	HSH26245449000246	Hồ Lê Đình Thái	XH1	TN1	10A09	Nam	08/03/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	43.5	
388	HSH26245449001807	Hoàng Ngọc Như Ý	TN2	XH1	10A06	Nữ	21/09/2011	Kinh	Trường THCS Trung Hòa	43.5	
389	HSH26245409000467	Lê Sỹ Chung	XH1	XH2	10A10	Nam	21/01/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	43.5	
390	HSH26245409000369	Lưu Anh Khoa	XH1	XH2	10A11	Nam	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	43.5	
391	HSH26245619000293	Phạm Duy Thiên	XH1	TN1	10A11	Nam	15/02/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
392	HSH26245449000211	Nguyễn Trần Hiếu	XH1	TN1	10A10	Nam	25/02/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	43.5	
393	HSH26245409000108	Nguyễn Thị Uyên Linh	TN1	TN2	10A04	Nữ	03/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	43.5	
394	HSH26245409000354	Bùi Thị Thanh Tuyền	XH1	TN2	10A11	Nữ	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	43.5	
395	HSH26245409000056	Nguyễn Ngọc Tuệ	XH3	TN1	10A14	Nữ	25/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	43.5	
396	HSH26245409000341	Nguyễn Ngọc Hân	XH1	XH2	10A11	Nữ	15/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	43.5	
397	HSH26245619000300	Hồ Nguyễn Đan Ly	XH1	XH2	10A10	Nữ	08/06/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
398	HSH26245409000464	Trần Minh Đăng	XH1	TN1	10A09	Nam	27/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	43.5	
399	HSH26245409000152	Nguyễn Minh Trí	XH1	XH2	10A08	Nam	13/01/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	43.5	
400	HSH26245619000249	Mai Lê Quỳnh Như	XH1	XH2	10A09	Nữ	16/06/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
401	HSH26245409000024	Cao Quốc Hưng	XH1	XH2	10A07	Nam	23/09/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	43.5	
402	HSH26245619000403	Nguyễn Vũ Bảo Vy	XH3	XH2	10A12	Nữ	15/03/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	43.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
403	HSH26245409000381	Nguyễn Thị Hải Yến	XH1	XH2	10A08	Nữ	04/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	43.5	
404	HSH26245619000312	Nguyễn Mai Linh Đan	XH1	TN1	10A07	Nữ	25/09/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	43.5	
405	HSH26245409000472	Nguyễn Thị Như Ý	TN1	TN2	10A05	Nữ	10/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	43.5	
406	HSH26245619000315	Ngô Anh Thư	XH1	XH2	10A08	Nữ	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	43.5	
407	HSH26245619000010	H - Srun Knul	XH1	TN2	10A09	Nữ	01/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	43	
408	HSH26245619000118	H Yuit Bkrông	XH1	XH3	10A08	Nữ	13/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Son	43	
409	HSH26245619000009	H Ly Niê Knul	XH2	XH1	10A12	Nữ	15/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	43	
410	HSH26245619000236	H Ju Ly Byă	XH1	XH2	10A07	Nữ	12/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	43	
411	HSH26245409000131	Lý Thị Mỹ Lệ	XH1	TN1	10A10	Nữ	13/12/2011	Sán Chi	Trường THCS Ea Hu	43	
412	HSH26245619000008	H Tin Knul	XH1	XH3	10A10	Nữ	24/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	43	
413	HSH26245449000227	Lê Na Kpor	XH3	XH2	10A13	Nữ	17/11/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	43	
414	HSH26245619000055	Y Đa Minh Byă	TN2	XH2	10A06	Nam	05/05/2010	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	43	
415	HSH26245449001422	Nguyễn Văn Linh	TN1	XH1	10A03	Nam	26/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43	
416	HSH26245449001350	Đặng Quốc Kiệt Byă	TN2	XH1	10A06	Nam	23/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	43	
417	HSH26245619000047	H' Si Ha Byă	XH2	XH3	10A12	Nữ	20/12/2010	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	43	
418	HSH26245619000003	Y Tiệu Phong Niê	XH3	XH1	10A15	Nam	25/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	43	
419	HSH26245449000268	H Tươi Ktla	XH3	XH2	10A13	Nữ	17/12/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	43	
420	HSH26245619000031	Y Sim Byă	XH1	XH3	10A11	Nam	05/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhok	43	
421	HS1014982993	H - Dong Byă	XH3	XH1	10A14	Nữ	06/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Lạc Long Quân	43	
422	HSH26245619000393	H' Phương Ayün	XH3	XH2	10A13	Nữ	24/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	43	
423	HSH26245409000350	Nông Thị Ngọc Ánh	XH2	XH1	10A13	Nữ	25/02/2011	Nùng	Trường THCS Chư Êwi	43	
424	HSH26245409000365	Lâm Thị Quỳnh Nga	TN2	TN1	10A06	Nữ	05/03/2011	Nùng	Trường THCS Chư Êwi	43	
425	HSH26245409000452	Nguyễn Tâm Như	TN1	XH1	10A05	Nữ	21/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	43	
426	HSH26245619000131	Trần Thị Giao Thủy	TN1	TN2	10A05	Nữ	12/12/2011	Kinh	Trường THCS Giang Son	42.5	
427	HSH26245409000142	Lê Viết Duẩn	TN1	TN2	10A01	Nam	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42.5	
428	HSH26245409000388	Lê Thị Phương Thủy	XH1	TN1	10A10	Nữ	14/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	42.5	
429	HS1015447797	Nguyễn Thành Công	XH1	XH2	10A07	Nam	14/05/2011	Kinh	Trường THCS Hùng Vương	42.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
430	HSH26245409000068	Bùi Anh Minh	XH2	TN1	10A13	Nam	17/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	42.5	
431	HSH26245409000308	Trần Ngọc Mai	XH3	XH2	10A13	Nữ	10/02/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	42.5	
432	HSH26245409000343	Nguyễn Thị Trà Giang	XH2	XH1	10A13	Nữ	10/01/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	42.5	
433	HSH26245409000322	Trần Thị Kim Anh	XH3	XH2	10A14	Nữ	28/07/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	42.5	
434	HSH26245449000264	Phạm Nguyễn Quỳnh Anh	XH1	TN1	10A09	Nữ	08/09/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	42	
435	HSH26245619000117	Trần Đỗ Thiên Bình	TN2	XH3	10A06	Nam	27/09/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	42	
436	HSH26245449000270	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	XH1	XH3	10A08	Nữ	28/07/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	42	
437	HSH26245619000087	Trần Linh Nhi	XH3	XH1	10A15	Nữ	24/09/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	42	
438	HSH26245409000119	Lê Thị Quỳnh Anh	XH2	XH1	10A12	Nữ	11/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
439	HSH26245619000178	Trần Thị Minh Luyến	XH3	XH2	10A15	Nữ	09/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
440	HSH26245409000175	Trần Như Ý	XH2	XH1	10A12	Nữ	23/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
441	HSH26245409000078	Nguyễn Thị Thanh Hằng	TN1	XH1	10A05	Nữ	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
442	HSH26245409000177	Đặng Thị Tường Vy	TN1	XH2	10A05	Nữ	10/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
443	HSH26245449000237	Đặng Nguyễn Châu Anh	XH2	TN2	10A13	Nữ	11/08/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	42	
444	HSH26245449001446	Nguyễn Thị Yến Nhi	XH1	XH2	10A07	Nữ	25/07/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
445	HSH26245619000284	Trần Ngọc Linh Nhi	TN2	TN1	10A06	Nữ	20/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
446	HSH26245409000134	Mai Đăng Khoa	XH1	XH3	10A08	Nam	27/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
447	HSH26245619000222	Trần Vũ Yên Quyên	XH1	XH3	10A07	Nữ	31/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
448	HSH26245619000104	Dư Nguyễn Thảo Ly	XH3	XH2	10A15	Nữ	21/05/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	42	
449	HSH26245619000230	Vũ Thế Hòa	XH1	XH3	10A09	Nam	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
450	HSH26245409000161	Văn Thị Tú Nhiên	XH2	XH1	10A13	Nữ	08/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
451	HSH26245409000047	Lê Thị Hồng Ngọc	XH3	TN2	10A14	Nữ	14/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	42	
452	HSH26245449001461	Hoàng Thế Anh	TN1	XH1	10A03	Nam	21/06/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
453	HSH26245409000442	Nguyễn Quỳnh Anh	XH1	TN2	10A11	Nữ	22/12/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	42	
454	HSH26245449001392	Nguyễn Tất Bảo Nguyên	TN1	XH1	10A01	Nam	24/06/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
455	HSH26245449001444	Nguyễn Lan Phương	XH1	XH2	10A09	Nữ	22/06/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
456	HSH26245409000135	Trần Hoàng Gia Huy	XH1	XH3	10A10	Nam	02/12/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
457	HSH26245409000338	Hoàng Thùy Linh	XH2	XH1	10A12	Nữ	18/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	42	
458	HSH26245619000066	Đỗ Đức Trọng	XH3	TN2	10A14	Nam	16/02/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	42	
459	HSH26245619000299	Bùi Khang Nguyên	XH1	XH3	10A11	Nam	04/05/2010	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
460	HSH26245449001440	Nguyễn Viết Sỹ	TN1	XH1	10A04	Nam	04/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
461	HSH26245409000118	Mai Thị Mỹ Dung	XH2	XH1	10A12	Nữ	07/12/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
462	HSH26245409000008	Lê Phan Kiều Mai	XH3	TN2	10A14	Nữ	13/06/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quynh	42	
463	HSH26245409000082	Trịnh Thị Thuý Chi	XH1	XH3	10A10	Nữ	23/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
464	HSH26245409000094	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	XH1	XH2	10A11	Nữ	27/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
465	HSH26245449001368	Nguyễn Thị Thu Thảo	TN1	XH1	10A02	Nữ	23/10/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
466	HSH26245619000179	Trần Phương Linh	XH1	XH3	10A10	Nữ	21/10/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
467	HSH26245619000269	Trần Ngọc Bảo Trâm	XH3	XH1	10A15	Nữ	29/09/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
468	HSH26245449000290	Nguyễn Đỗ Tín Phước	TN1	TN2	10A04	Nam	18/06/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	42	
469	HSH26245619000294	Nguyễn Hoàng Gia Thiên	TN1	XH2	10A04	Nam	18/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
470	HSH26245619000268	Phạm Đăng Bảo Trân	XH1	TN1	10A11	Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
471	HSH26245619000278	Lê Hiếu Thảo	XH1	XH2	10A11	Nam	23/07/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
472	HSH26245449000256	Đinh Phạm Hải Đăng	XH2	XH1	10A13	Nam	19/08/2009	Kinh	Trường THCS 19/8	42	
473	HSH26245409000170	Phạm Gia Huy	XH1	XH3	10A10	Nam	08/03/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
474	HSH26245409000146	Hoàng Trúc Uyên	TN2	TN1	10A06	Nữ	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
475	HSH26245449001395	Hoàng Nhật Minh	TN1	TN2	10A04	Nam	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
476	HSH26245619000363	Nguyễn Trâm Anh	XH3	TN2	10A15	Nữ	09/10/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	42	
477	HSH26245409000459	Vũ Duy Khánh	XH1	XH2	10A09	Nam	14/06/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	42	
478	HSH26245449001380	Hồ Lê Bảo Vy	XH2	XH1	10A12	Nữ	17/09/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
479	HSH26245409000447	Trần Triệu Phong	XH1	TN1	10A08	Nam	01/12/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	42	
480	HSH26245409000127	Hồ Trần Thảo Nguyên	XH2	XH1	10A12	Nữ	22/03/2010	Kinh	Trường THCS Ea Hu	42	
481	HSH26245409000454	Dương Nguyễn Hoàng Ngân	TN1	XH2	10A02	Nữ	11/11/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	42	
482	HSH26245409000297	Nguyễn Phương Thùy	XH1	XH2	10A10	Nữ	02/02/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	42	
483	HSH26245619000239	Nguyễn Đăng Khôi	TN1	TN2	10A02	Nam	10/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
484	HSH26245449000205	Hoàng Ngọc Quỳnh Như	XH1	TN2	10A09	Nữ	07/12/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	42	
485	HSH26245619000281	Voòng Bảo Quỳnh	XH1	XH2	10A07	Nam	10/10/2011	Hoa	Trường THCS Dray Bhang	42	
486	HSH26245619000358	Ngô Trí Cường	TN1	TN2	10A05	Nam	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	42	
487	HSH26245619000367	Nguyễn Tuấn Vũ	TN1	XH2	10A02	Nam	17/03/2011	Kinh	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	42	
488	HSH26245449001460	Lê Hoàng Anh	XH1	TN1	10A07	Nam	05/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
489	HSH26245449001382	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	XH1	XH3	10A08	Nữ	24/02/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	42	
490	HSH26245619000276	Vũ Đức Thắng	XH1	XH3	10A08	Nam	23/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	42	
491	HSH26245409000293	Nguyễn Thị Lệ Uyên	XH3	XH1	10A15	Nữ	22/10/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	42	
492	HSH26245409000020	Nguyễn Tiến Đạt	XH3	XH2	10A14	Nam	10/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Quỳnh	42	
493	HSH26245619000204	Diệp Duy Hoàng	XH1	XH3	10A09	Nam	09/02/2011	Sán Dìu	Trường THCS Dray Bhang	41.5	
494	HSH26245619000011	H' Ngọc Yên Hmók	XH3	TN1	10A14	Nữ	11/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	41.5	
495	HSH26245619000045	H Mic Byă	XH1	XH3	10A07	Nữ	28/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	41.5	
496	HSH26245619000101	H Mik Bdap	XH2	XH3	10A12	Nữ	25/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	41.5	
497	HSH26245619000091	Ngô Minh Hiếu	XH2	TN2	10A12	Nam	03/08/2010	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	41.5	
498	HSH26245619000342	H' - Bri Ayun	XH3	XH2	10A13	Nữ	10/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	41.5	
499	HSH26245619000026	H Lysian Bdap	XH1	XH2	10A07	Nữ	20/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	41.5	
500	HSH26245619000058	H' Wui Byă	XH1	XH3	10A08	Nữ	30/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	41.5	
501	HSH26245449001372	Y Công Ayun	TN1	XH1	10A05	Nam	29/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	41.5	
502	HSH26245619000328	H' Tô Mai Niê	XH1	XH3	10A09	Nữ	09/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	41.5	
503	HSH26245619000082	Y Khuin Hlông	XH2	XH1	10A12	Nam	22/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	41.5	
504	HSH26245619000185	Y Sâm Byă	TN1	XH1	10A05	Nam	10/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	41.5	
505	HSH26245619000014	H Suết Êban	XH2	XH3	10A12	Nữ	05/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	41.5	
506	HSH26245449000285	H Thủy Hđrôk	XH3	XH1	10A14	Nữ	12/11/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	41.5	
507	HSH26245449000294	H Ngim Êban	XH3	XH2	10A13	Nữ	31/08/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	41.5	
508	HSH26245449000273	Đặng Quang Sinh	TN1	XH1	10A04	Nam	05/04/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	41.5	
509	HSH26245409000187	Tổng Văn Hoạt	XH1	XH2	10A10	Nam	27/05/2011	Sán Chí	Trường THCS Ea Hu	41.5	
510	HSH26245409000115	Mông Ngọc Huệ	TN1	TN2	10A01	Nữ	05/01/2011	Sán Chí	Trường THCS Ea Hu	41.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
511	HSH26245449001413	H Jun Êban	XH3	XH1	10A12	Nữ	14/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	41.5	
512	HSH26245619000005	H Tuệ Niê	XH2	XH1	10A12	Nữ	11/09/2010	Ê-đê	Trường THCS Ea Bôk	41.5	
513	HSH26245449000243	Y Sang Hmők	XH3	TN2	10A14	Nam	22/09/2010	Ê-đê	Trường THCS 19/8	41.5	
514	HSH26245619000384	H' Si An Êban	XH3	XH1	10A15	Nữ	01/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	41.5	
515	HSH26245619000405	H' Châu Thị Trúc Ly Ayũn	XH3	XH1	10A14	Nữ	25/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	41.5	
516	HSH26245409000409	Lê Nguyễn Hải Đăng	XH1	TN1	10A10	Nam	13/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	41	
517	HSH26245619000108	Y Gập Bkrông	XH1	XH3	10A11	Nam	02/10/2007	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	41	
518	HSH26245409000099	Hồ Thị Thiên Thanh	XH2	TN2	10A13	Nữ	17/08/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	41	
519	HSH26245449001419	Lê Nguyễn Kim Ngân	XH1	XH2	10A10	Nữ	24/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	41	
520	HSH26245409000351	Võ Thị Ánh Xuân	XH3	TN2	10A14	Nữ	08/02/2010	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	41	
521	HSH26245449001393	Đinh Quang Nguyên	XH1	XH2	10A11	Nam	19/09/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	41	
522	HSH26245409000384	Lê Thanh Trúc	XH3	TN2	10A15	Nữ	12/09/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	41	
523	HSH26245409000166	Nguyễn Bảo Khánh Linh	XH1	XH3	10A11	Nữ	09/01/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	41	
524	HSH26245619000099	Đỗ Hoài Nam	XH2	XH1	10A12	Nam	17/08/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	40.5	
525	HSH26245449001412	Nguyễn Đức Phú	TN1	TN2	10A04	Nam	10/08/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	40.5	
526	HSH26245619000240	Hoàng Phương Vi	XH1	TN1	10A07	Nữ	20/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
527	HSH26245409000383	Lê Đình Gia Bảo	XH1	XH2	10A11	Nam	03/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea HNin	40.5	
528	HSH26245619000067	Hà Bảo Trân	XH3	XH2	10A13	Nữ	16/12/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	40.5	
529	HSH26245619000121	Đỗ Lương Nhật Vinh	TN1	XH1	10A02	Nam	30/10/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	40.5	
530	HSH26245619000224	Ngô Thị Phương Thảo	XH1	XH3	10A10	Nữ	27/08/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
531	HSH26245409000176	Hồ Thị Kiều Vy	XH2	XH1	10A13	Nữ	11/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	40.5	
532	HSH26245409000093	Trần Thị Bảo Trâm	XH1	XH3	10A09	Nữ	01/05/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	40.5	
533	HSH26245619000197	Ông Phạm Phương Linh	XH3	XH1	10A14	Nữ	02/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
534	HSH26245619000088	Lương Minh Nghiêm	XH2	TN1	10A12	Nam	24/04/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	40.5	
535	HSH26245619000213	Nguyễn Hoàng Anh	XH3	XH1	10A14	Nam	07/07/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
536	HSH26245619000196	Nguyễn Hoàng Anh	XH1	TN1	10A10	Nam	04/06/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
537	HSH26245449000228	Võ Ngọc Lâm	XH3	XH1	10A15	Nam	09/10/2010	Kinh	Trường THCS 19/8	40.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
538	HSH26245449001400	Nguyễn Tuấn Kiệt	TN1	TN2	10A02	Nam	13/03/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	40.5	
539	HSH26245619000261	Trần Thị Ánh	XH1	XH2	10A08	Nữ	25/11/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
540	HSH26245449001409	Nguyễn Quốc Thắng	TN1	XH1	10A05	Nam	10/06/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	40.5	
541	HSH26245449000215	Nguyễn Trọng Khôi	XH3	XH1	10A14	Nam	05/06/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	40.5	
542	HSH26245619000217	Vũ Thành Trung	TN1	XH1	10A03	Nam	02/03/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
543	HSH26245409000158	Mai Xuân Phúc	XH1	TN2	10A09	Nam	28/02/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	40.5	
544	HSH26245449001354	Bùi Tú An	XH3	XH2	10A14	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	40.5	
545	HSH26245619000078	Hoàng Song Phi	XH3	TN2	10A14	Nam	02/09/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	40.5	
546	HSH26245449001463	Lê Cát Tường	XH1	XH2	10A09	Nữ	23/04/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	40.5	
547	HSH26245619000080	Bùi Trúc Ni	XH1	XH3	10A07	Nữ	01/10/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	40.5	
548	HSH26245619000243	Phạm Đỗ Thủy Tiên	XH1	TN2	10A08	Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
549	HSH26245449000269	Tần Văn Bảo Trung	XH3	XH2	10A14	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	40.5	
550	HSH26245619000287	Lê Hoàng Vũ	XH1	TN1	10A08	Nam	28/04/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
551	HSH26245409000157	Nguyễn Hoàng Sơn	XH1	XH2	10A07	Nam	13/10/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	40.5	
552	HSH26245619000218	Cao Anh Trọng	XH1	XH2	10A07	Nam	26/10/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
553	HSH26245619000107	Đỗ Đức Hiếu	XH1	XH2	10A08	Nam	17/08/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	40.5	
554	HSH26245409000326	Đỗ Thị Thúy	XH2	XH1	10A13	Nữ	22/09/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	40.5	
555	HSH26245409000339	Dương Vũ Đăng Khoa	TN1	TN2	10A05	Nam	02/03/2011	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	40.5	
556	HSH26245449000231	Lê Đình Hào	TN1	TN2	10A05	Nam	21/12/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	40.5	
557	HSH26245619000305	Mai Võ Nguyên Khang	XH1	XH2	10A03	Nam	11/07/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
558	HSH26245449001431	Nguyễn Danh Hòa	XH1	XH2	10A09	Nam	10/04/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	40.5	
559	HSH26245619000173	Nguyễn Kỳ Duyên	XH1	XH2	10A09	Nữ	21/03/2010	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
560	HSH26245619000341	Nguyễn Ngọc Bảo Diệp	XH1	XH2	10A10	Nữ	03/02/2011	Kinh	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	40.5	
561	HSH26245619000272	Nguyễn Như Cát Tiên	XH3	XH1	10A15	Nữ	30/07/2011	Kinh	Trường THCS Dray Bhang	40.5	
562	HSH26245449000251	Phạm Đình Đăng Khôi	TN1	TN2	10A03	Nam	11/02/2011	Kinh	Trường THCS 19/8	40.5	
563	HSH26245409000089	Phan Thị Kim Anh	XH2	XH1	10A12	Nữ	12/11/2010	Kinh	Trường THCS Ea Hu	40.5	
564	HSH26669001974	Trần Thị Linh Chi	TN1	TN2	10A02	Nữ	07/10/2010	Kinh	Trường THCS Chư Êwi	40.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
565	HSH26245409000121	Văn Hữu Trọng	XH1	XH2	10A07	Nam	03/04/2011	Kinh	Trường THCS Ea Hu	40.5	
566	HSH26245619000063	H' Iam Byă	XH1	XH3	10A11	Nữ	26/08/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	40	
567	HSH26245619000033	Y- Ćung Niê	XH1	XH2	10A10	Nam	09/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	40	
568	HSH26245619000021	Y Sa Vi Bdap	XH1	XH3	10A07	Nam	11/08/2010	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	40	
569	HSH26245619000313	Hoàng Bảo Ân Ayũn	TN2	XH3	10A06	Nữ	16/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	40	
570	HSH26245619000356	H' Dêm Byă	XH3	XH1	10A15	Nữ	09/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	40	
571	HSH26245619000401	H' Ha Ri Na Byă	XH1	XH2	10A11	Nữ	27/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	40	
572	HSH26245409000360	Hứa Việt Phong	XH1	XH2	10A08	Nam	29/06/2011	Nùng	Trường THCS Chư Êwi	40	
573	HSH26245619000070	Y Sinh Byă	XH3	XH2	10A12	Nam	26/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	39.5	
574	HSH26245619000092	Đỗ Thị Linh	XH1	XH2	10A10	Nữ	03/11/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	39.5	
575	HSH26245619000128	Nguyễn Đỗ Bảo Trâm	XH1	XH2	10A09	Nữ	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	39.5	
576	HSH26245619000065	Nguyễn Hoàng Gia Tuấn	XH1	XH2	10A09	Nam	29/06/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	39.5	
577	HSH26245619000085	Nguyễn Nguyễn Gia Bảo	XH1	XH2	10A10	Nam	12/06/2011	Kinh	Trường THCS Giang Sơn	39.5	
578	HSH26245449001332	Trương Quang Huy	XH1	XH2	10A11	Nam	26/11/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	39.5	
579	HSH26245409000411	H Bi Ra Adrông	XH1	TN2	10A08	Nữ	20/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea HNin	39	
580	HSH26245619000321	H' Nhi Niê	XH2	XH1	10A05	Nữ	01/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	39	
581	HSH26245449001351	H' Chinh Ê Ban	XH1	XH2	10A07	Nữ	27/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	38.5	
582	HSH26245449000286	H Thiêm Ênuôl	XH3	XH1	10A14	Nữ	13/02/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
583	HSH26245449001451	H' Si Ne Ksor	XH1	TN2	10A07	Nữ	06/11/2010	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	38.5	
584	HSH26245619000029	H' Mên Adrong	XH1	XH2	10A08	Nữ	15/08/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
585	HSH26245619000200	H' Bảo Thi Knul	XH3	XH1	10A14	Nữ	20/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	38.5	
586	HSH26245619000043	Nguyễn Adrong Anh Khoa	XH2	XH3	10A12	Nam	18/08/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
587	HSH26245619000023	Y - Ken Đa Bdap	XH1	TN2	10A11	Nam	31/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
588	HSH26245619000016	H Lê Na Byă	XH1	XH3	10A09	Nữ	02/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
589	HSH26245619000190	H Uyêt Byă	XH3	TN2	10A15	Nữ	21/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	38.5	
590	HSH26245449000208	Y Ka Lin Kpor	TN1	XH3	10A02	Nam	29/01/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
591	HSH26245619000198	Y Rô Pah Knul	XH2	XH3	10A13	Nam	15/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	38.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
592	HSH26245619000323	H' Nêl Êban	XH3	XH1	10A15	Nữ	13/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	
593	HSH26245619000372	H Sơn Lan Byă	XH1	XH2	10A10	Nữ	14/01/2010	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	
594	HSH26245619000017	H Duit Byă	XH3	XH1	10A15	Nữ	25/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
595	HSH26245619000310	H Mily Ênuôl	XH1	XH3	10A11	Nữ	12/03/2010	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	38.5	
596	HSH26245449000298	H Lê Na Ênuôl	TN2	XH3	10A06	Nữ	10/11/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
597	HSH26245449000280	Y' Zin Byă	XH3	XH2	10A13	Nam	08/12/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
598	HSH26245619000019	Y Sêbôra Bdap	XH1	XH2	10A10	Nam	06/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
599	HSH26245619000057	Y Ka Tiển Byă	XH2	XH3	10A13	Nam	30/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
600	HSH26245619000059	H' Đơ Mi Byă	XH1	XH3	10A11	Nữ	27/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
601	HSH26245619000409	H' Thảo Êban	XH3	XH1	10A15	Nữ	02/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	
602	HSH26245619000022	Y - Nam Bdap	XH3	XH1	10A15	Nam	28/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
603	HSH26245619000062	Nguyễn Y Nhất Knul	XH2	XH3	10A13	Nam	11/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
604	HSH26245619000054	H' Hương Byă	XH1	XH3	10A11	Nữ	10/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
605	HSH26245619000380	H' Dên Êban	XH1	XH3	10A09	Nữ	28/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	
606	HSH26245619000335	Y - Giap Mdrang	XH1	XH2	10A09	Nam	25/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	
607	HSH26245619000004	Y Oan Niê	XH3	XH1	10A14	Nam	05/03/2010	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
608	HSH26245449000289	H Sal Hmôk	XH3	XH1	10A14	Nữ	15/09/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
609	HSH26245619000040	H Kiêu Knul	XH2	XH3	10A13	Nữ	04/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhôk	38.5	
610	HSH26245449001331	H Zina Kdrai	XH3	XH2	10A13	Nữ	17/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	38.5	
611	HSH26245619000181	H' Su Din Knul	XH2	XH1	10A12	Nữ	05/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	38.5	
612	HSH26245449000234	Y Dương Thuật Kbuôr	XH3	XH1	10A15	Nam	11/03/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
613	HSH26245619000338	H' Diam Niê	XH2	XH1	10A12	Nữ	28/10/2010	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	
614	HSH26245449000266	Y Za My Ayün	XH1	XH2	10A08	Nam	23/03/2010	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
615	HSH26245619000395	H Thoi Mdrang	XH3	XH2	10A13	Nữ	16/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	
616	HSH26245449000267	H Ya Ra Ktla	XH1	XH3	10A08	Nữ	19/10/2010	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
617	HSH26245449000254	Y Khải Niê Kdăm	TN1	XH1	10A02	Nam	01/05/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	38.5	
618	HSH26245619000345	Y - Ni Kô Knul	XH3	XH1	10A15	Nam	01/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh	38.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
619	HSH26245619000331	Y Sê Kiêl Hmők	TN1	XH1	10A01	Nam	25/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
620	HSH26245619000325	Y - Nhạc Êban	XH3	XH1	10A14	Nam	07/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
621	HSH26245619000034	Y Huýt Niê	XH2	XH3	10A13	Nam	25/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	38.5	
622	HSH26245619000282	H Di Nang Niê	XH1	TN2	10A07	Nữ	19/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	38.5	
623	HSH26245449001428	H' Sâm Kdrai	XH3	XH2	10A13	Nữ	26/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	38.5	
624	HSH26245449001399	H Kai Ksor	XH3	XH2	10A13	Nữ	20/11/2010	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	38.5	
625	HSH26245619000339	H' Chinh Mdrang	XH2	XH1	10A12	Nữ	14/04/2010	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
626	HSH26245619000420	H' Ly Sa Bdap	XH3	XH2	10A13	Nữ	08/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
627	HSH26245619000333	Y - Hòe Niê	XH2	XH3	10A12	Nam	14/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
628	HSH26245619000378	H' Đon Êban	XH1	XH2	10A07	Nữ	02/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
629	HSH26245619000399	Yến Nhi Byă	XH1	XH2	10A08	Nữ	11/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
630	HSH26245619000406	Y Thuần Hmők	XH3	TN2	10A15	Nam	21/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
631	HSH26245619000314	Y - Thoa Byă	XH1	XH3	10A07	Nam	15/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
632	HSH26245409000375	H' Soa Ê Ban	XH3	XH1	10A15	Nữ	24/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Chư Êwi	38.5	
633	HSH26245619000347	Y Hùng Bdap	XH2	XH3	10A13	Nam	21/08/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	38.5	
634	HSH26245619000115	H Chang Adrong	XH3	XH2	10A12	Nữ	19/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	37.5	
635	HSH26245619000072	Y Si Gôm Byă	XH1	XH2	10A07	Nam	22/12/2010	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	37.5	
636	HSH26245619000039	Y Sơ Wi Knul	XH1	XH2	10A08	Nam	15/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	37.5	
637	HSH26245619000052	Y Va Ni Byă	XH1	XH2	10A09	Nam	07/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea Bhók	37.5	
638	HSH26245449001452	Y Ramôt Kpor	TN1	XH1	10A01	Nam	31/12/2010	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	37.5	
639	HSH26245449001429	H Mẫn Kbuôr	XH3	XH2	10A12	Nữ	09/01/2010	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	37.5	
640	HSH26245619000343	Y - Phạm Lực Hmők	XH3	XH2	10A12	Nam	14/11/2010	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	37.5	
641	HSH26245409000038	Phạm Niê Trường	XH3	XH2	10A13	Nam	26/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Chư Quỳnh	37.5	
642	HSH26245449001425	Y Khang Ksor	XH3	XH1	10A15	Nam	18/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	37.5	
643	HSH26245619000194	H' Tuyên Byă	XH1	TN2	10A09	Nữ	27/12/2010	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	37.5	
644	HSH26245619000402	Y - Yôna Byă	XH1	XH3	10A10	Nam	25/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	37.5	
645	HSH26245619000348	Y - Hun Byă	XH2	XH3	10A13	Nam	20/01/2010	Ê-đê	Trường THCS Đỉnh Bộ Lĩnh	37.5	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	NV1	NV2	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Tổng điểm	Ghi chú
646	HSH26245619000205	Y Thịnh Hmők	XH3	XH1	10A14	Nam	11/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	36.5	
647	HSH26245619000298	H Nhi Niê	XH1	XH3	10A10	Nữ	30/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Dray Bhang	36.5	
648	HSH26245619000100	H Mlih Bdap	XH2	XH3	10A12	Nữ	22/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	36.5	
649	HSH26245449000274	H Sa Luin Kdrai	XH1	XH2	10A11	Nữ	17/03/2011	Ê-đê	Trường THCS 19/8	36.5	
650	HSH26245619000407	Y - Thiệp Buôn Dap	XH1	XH2	10A11	Nam	25/12/2010	Ê-đê	Trường THCS Đình Bộ Lĩnh	36.5	
651	HSH26245619000355	Y - Duân Hmők	XH1	XH2	10A11	Nam	24/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Đình Bộ Lĩnh	36.5	
652	HSH26245409000430	Y Ka Min Byă	XH3	TN2	10A15	Nam	22/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea HNin	36.5	
653	HSH26245409000396	Y - Rô Nan Bdap	XH1	TN1	10A10	Nam	30/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Ea HNin	36.5	
654	HSH26245449001473	Y - Khanh - Niê	XH3	TN1	10A14	Nam	08/06/2009	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	35.5	
655	HSH26245619000069	H' Suying Bdap	XH3	XH2	10A12	Nữ	02/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	35	
656	HSH26245619000123	H' Yĩ Bdap	TN2	XH3	10A06	Nữ	06/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Giang Sơn	34.5	
657	HSH26245449001339	Y Chung Bdap	XH3	XH2	10A12	Nam	19/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	34.5	
658	HSH26245449001330	Y Trọng Ksor	XH3	TN1	10A15	Nam	06/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	34.5	
659	HSH26245449001336	Y Đi Nhô Hmők	XH1	XH3	10A09	Nam	18/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	34.5	
660	KRB001	Mai Lê Hải Đăng	TN1	XH1	10A03	Nam	25/05/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	43.5	

Dray Bhang, ngày 17/08/2026

HIỆU TRƯỞNG

VĂN THÀNH SƠN